

Số: 13 /2025/NQ-HĐND

Lâm Viên - Đà Lạt, ngày 11 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân,
Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân,
Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân
phường Lâm Viên - Đà Lạt khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Xét Tờ trình số 15/TTr-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân phường Lâm Viên - Đà Lạt; báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân phường và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường Lâm Viên - Đà Lạt tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết về ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân phường Lâm Viên - Đà Lạt khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân phường Lâm Viên - Đà Lạt khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 11 tháng 8 năm 2025.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân phường Lâm Viên - Đà Lạt;

Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Lâm Viên - Đà Lạt khóa I, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 31 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- HĐND, UBND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tư pháp tỉnh (để kiểm tra);
- Thường trực Đảng ủy phường;
- Như Điều 2;
- Trang Thông tin điện tử phường;
- Lưu VT, BVHXX, 2b. 



CHỦ TỊCH

Đặng Quang Tú

QUY CHẾ

**Làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân,
các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu đồng nhân dân
và Đại biểu Hội đồng nhân dân phường Lâm Viên - Đà Lạt**

Khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **13** /2025/NQ-HĐND ngày **11** tháng **8** năm 2025
của Hội đồng nhân dân phường Lâm Viên - Đà Lạt)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc hoạt động, chế độ làm việc, mối quan hệ công tác, điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân phường Lâm Viên - Đà Lạt khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

2. Các nội dung không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân phường Lâm Viên - Đà Lạt khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân phường Lâm Viên - Đà Lạt.

Chương II

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG LÂM VIÊN - ĐÀ LẠT

Điều 3. Vị trí, vai trò, nguyên tắc làm việc của Hội đồng nhân dân

1. Hội đồng nhân dân phường Lâm Viên - Đà Lạt khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026 gồm 62 đại biểu (là các đại biểu được chỉ định, các đại biểu điều động từ phường 8, 9, 12 và một số đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Đà Lạt trước sắp xếp đơn vị hành chính - chỉ định tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tại phường Lâm Viên - Đà Lạt); Là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại

diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước ở địa phương; chịu trách nhiệm trước Nhân dân và cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Hội đồng nhân dân phường Lâm Viên - Đà Lạt làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân

1. Trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật:

a) Quyết định biện pháp bảo đảm thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ở địa bàn;

b) Quyết định chính sách, biện pháp để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển các ngành, lĩnh vực; phát triển kinh tế tư nhân và đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật;

d) Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

2. Trong lĩnh vực tổ chức bộ máy và xây dựng chính quyền:

a) Quyết định thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp theo quy định của pháp luật;

b) Căn cứ chỉ tiêu được chính quyền địa phương cấp tỉnh giao, quyết định cụ thể biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp mình, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn;

c) Xem xét, cho ý kiến về việc thành lập, giải thể, nhập, tách đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp mình;

d) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên tổ dân phố; quyết định cụ thể số lượng người hoạt động không chuyên trách hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định của chính quyền địa phương cấp tỉnh;

đ) Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình;

e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân cùng cấp;

g) Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân và chấp thuận việc đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình thôi làm nhiệm vụ đại biểu theo quy định của pháp luật.

3. Trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch, đầu tư, tài chính, ngân sách, liên kết hợp tác giữa các đơn vị hành chính cấp xã:

a) Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm của cấp mình, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, các quy hoạch chi tiết xây dựng hạ tầng, giao thông trên địa bàn bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy hoạch, kế hoạch của chính quyền địa phương cấp tỉnh và quy hoạch chung của cấp mình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán ngân sách trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp mình và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án trên địa bàn theo quy định của pháp luật về đầu tư công; quyết định biện pháp huy động sự đóng góp của Nhân dân để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, công trình công cộng, phúc lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

d) Quyết định biện pháp để thực hiện quy hoạch đô thị, phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển đô thị, quy hoạch chung của chính quyền địa phương cấp tỉnh;

đ) Quyết định các biện pháp khuyến khích phát triển kinh tế đô thị, thương mại, dịch vụ, tài chính, công nghệ cao, đổi mới sáng tạo phù hợp với đặc điểm của đô thị theo quy định của pháp luật;

e) Quyết định biện pháp thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa các đơn vị hành chính cấp xã;

g) Quyết định chương trình, biện pháp hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

4. Trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

a) Quyết định biện pháp, chương trình, đề án về phát triển khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn;

b) Quyết định biện pháp xây dựng chính quyền địa phương số, kinh tế số, xã hội số ở địa bàn; biện pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của chính quyền địa phương cấp mình và cung ứng dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

5. Trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường, nông, lâm nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng và giao thông:

a) Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp mình trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

b) Quyết định biện pháp quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên nước, rừng, bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quy hoạch, kế hoạch và quy định của pháp luật; biện pháp thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn;

c) Quyết định biện pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn, lâm nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng, giao thông.

6. Trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao:

a) Quyết định biện pháp phát triển sự nghiệp giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân; phát triển văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

7. Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dân tộc, tôn giáo:

a) Quyết định biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách Dân tộc, Tôn giáo; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số, tín đồ tôn giáo trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

8. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân phường, Ủy ban Nhân dân phường và cơ quan khác ở địa phương.

9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Hội đồng nhân dân họp mỗi năm ít nhất 02 kỳ. Hội đồng nhân dân quyết định kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ vào kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân đối với năm bắt đầu nhiệm kỳ và vào kỳ họp cuối cùng của năm trước đó đối với các năm tiếp theo của nhiệm kỳ theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân.

2. Hội đồng nhân dân họp kỳ họp chuyên đề hoặc kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu.

3. Cử tri địa phương có quyền làm đơn yêu cầu Hội đồng nhân dân phường họp, bàn và quyết định những công việc của địa phương. Khi trong đơn yêu cầu có chữ ký của trên 10% tổng số cử tri của địa phương thì Thường trực Hội đồng nhân dân phường có trách nhiệm tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất để bàn về nội dung mà cử tri kiến nghị. Đơn yêu cầu của cử tri được xem là hợp lệ khi có kèm theo đầy đủ chữ ký, họ tên, ngày, tháng, năm sinh và địa chỉ của từng người ký tên. Những người ký tên trong đơn yêu cầu được cử một người làm đại diện tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân bàn về nội dung mà cử tri kiến nghị.

4. Hội đồng nhân dân họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thì Hội đồng nhân dân quyết định họp kín.

5. Hội đồng nhân dân phường quyết định chương trình kỳ họp. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phường, Hội đồng nhân dân phường quyết định sửa đổi, bổ sung chương trình kỳ họp đã được thông qua.

6. Đại biểu Hội đồng nhân dân phường có trách nhiệm tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân phường.

7. Khách mời tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân phường gồm:

a) Đại diện Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng, đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, được bầu tại phường Lâm Viên - Đà Lạt. Đại diện lãnh đạo các cơ quan, đơn vị Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;

b) Ủy viên Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, các tổ chức thành viên được mời tham dự các phiên họp công khai của Hội đồng nhân dân khi bàn về các vấn đề có liên quan;

c) Đại diện đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức xã hội, cơ quan báo chí và công dân có thể được tham dự các phiên họp công khai của Hội đồng nhân dân phường;

d) Tùy theo yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của kỳ họp có thể mời thêm thành phần khác có liên quan.

Điều 6. Thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Công tác thư ký kỳ họp do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường thực hiện.

2. Nhiệm vụ của thư ký kỳ họp bao gồm các nội dung sau đây:

a) Lập danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân có mặt, vắng mặt trong phiên họp, trong kỳ họp;

b) Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp, thảo luận tại các Tổ thảo luận;

c) Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến phát biểu của các đại biểu tại phiên họp toàn thể và tại cuộc họp các Tổ thảo luận;

d) Giúp Chủ tọa kỳ họp thực hiện các quy trình, thủ tục tại kỳ họp; cung cấp thông tin, tài liệu về kỳ họp; hoàn chỉnh biên bản kỳ họp để ký phát hành;

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp.

Điều 7. Thảo luận tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Chủ tọa kỳ họp quyết định nội dung thực hiện phiên thảo luận tại tổ và phiên thảo luận tại hội trường. Đại biểu Hội đồng nhân dân phường thực hiện quyền tham gia phát biểu ý kiến thảo luận các nội dung của kỳ họp tại Tổ thảo luận hoặc tại phiên toàn thể.

2. Phiên thảo luận tại tổ bao gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân phường và các đại biểu khách mời. Tổ trưởng điều hành thảo luận, mỗi đại biểu có thể phát biểu nhiều lần, mỗi lần không quá 5 phút; khách mời tham dự các phiên thảo luận tại tổ được phát biểu ý kiến về vấn đề thuộc ngành, lĩnh vực mà mình phụ trách nếu được Tổ trưởng đồng ý hoặc yêu cầu. Tổ trưởng tổng hợp ý kiến thảo luận và báo cáo với Chủ tọa kỳ họp nội dung ý kiến thảo luận, ý kiến chất vấn sau phiên thảo luận (bằng văn bản). Công tác thư ký phiên thảo luận tại tổ do Tổ trưởng phân công thực hiện.

3. Phiên thảo luận toàn thể tại hội trường do Chủ tọa kỳ họp điều hành. Những nội dung chưa được thảo luận tại tổ, những nội dung còn có ý kiến khác nhau cần làm rõ để thống nhất được thực hiện tại phiên thảo luận toàn thể.

Các đại biểu đều có quyền đăng ký phát biểu nhiều lần, mỗi lần không quá 5 phút; ý kiến phiên thảo luận toàn thể được tổng hợp vào kết quả kỳ họp; những nội dung cần giải trình được chuyển đến tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện giải trình trực tiếp tại kỳ họp hoặc giải trình bằng văn bản theo điều hành của Chủ tọa kỳ họp.

Trong trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân phường đăng ký phát biểu tại phiên họp toàn thể, nếu thời gian phát biểu đã hết mà ý kiến phát biểu vẫn còn, thì ghi lại ý kiến của mình và chuyển cho Chủ tọa kỳ họp thông qua Thư ký kỳ họp.

Điều 8. Chất vấn tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Tại kỳ họp Hội đồng nhân dân phường, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường có thể được mời tham dự phiên họp và trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân phường về những vấn đề thuộc trách nhiệm của mình.

2. Tại kỳ họp Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân gửi nội dung chất vấn đến Thường trực Hội đồng nhân dân. Thường trực Hội đồng nhân dân đề nghị Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định vấn đề chất vấn và người trả lời chất vấn.

Đại biểu Hội đồng nhân dân phường được quyền chất vấn một lần hoặc nhiều lần về một hoặc nhiều vấn đề; thời gian truy vấn theo sự điều hành của Chủ tọa kỳ họp. Thời gian nêu chất vấn phải ngắn gọn, rõ ràng, trình bày không quá 2 phút.

3. Người trả lời chất vấn phải trả lời về những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân phường chất vấn. Nội dung trả lời chất vấn phải đúng trọng tâm vấn đề mà đại biểu đã chất vấn, xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập; không được ủy quyền cho người khác trả lời thay; thời gian trả lời chất vấn không quá 5 phút cho mỗi câu hỏi.

Trong trường hợp được Hội đồng nhân dân phường cho trả lời chất vấn bằng văn bản, người trả lời chất vấn phải gửi văn bản trả lời đến Thường trực Hội đồng nhân dân phường và đại biểu Hội đồng nhân dân phường đã chất vấn trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày chất vấn (theo Điều 60, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015).

4. Những ý kiến chất vấn, trả lời chất vấn của đại biểu phải được ghi đầy đủ vào biên bản kỳ họp. Trong trường hợp cần điều tra, xác minh làm rõ thì Hội đồng nhân dân phường có thể quyết định cho trả lời tại kỳ họp sau của Hội đồng nhân

dân hoặc cho trả lời bằng văn bản gửi đến đại biểu đã chất vấn và Thường trực Hội đồng nhân dân.

Điều 9. Tài liệu phục vụ kỳ họp

1. Thành phần tài liệu lưu hành tại kỳ họp Hội đồng nhân dân phường do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định; tài liệu kỳ họp phải được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân chậm nhất là 5 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

Đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm thực hiện quy định về sử dụng, bảo quản tài liệu trong kỳ họp; không được tiết lộ nội dung tài liệu mật, nội dung các phiên họp kín của Hội đồng nhân dân.

Nghị quyết, văn bản, các tài liệu khác của mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

2. Tài liệu phục vụ kỳ họp được gửi qua địa chỉ hộp thư công vụ của các đại biểu Hội đồng nhân dân phường là cán bộ công chức, các cơ quan liên quan thuộc phường; tài liệu bằng văn bản giấy gửi đến các đại biểu mời cấp tỉnh, lãnh đạo Đảng ủy phường và các đại biểu Hội đồng nhân dân phường không phải là cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước.

Điều 10. Chuẩn bị kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Chậm nhất 30 ngày, trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân phối hợp với Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan liên quan thống nhất kế hoạch, dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp; phân công chuẩn bị các báo cáo, chương trình, kế hoạch, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình kỳ họp.

Các văn bản báo cáo, chương trình, kế hoạch, tờ trình, dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan phải được gửi cho Thường trực và hai Ban của Hội đồng nhân dân phường chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp để được xem xét, thẩm tra theo quy định của pháp luật.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp liên quan đến lĩnh vực phụ trách và theo sự phân công, chỉ đạo, điều hòa phối hợp của Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

3. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường đảm bảo các điều kiện phục vụ kỳ họp.

Điều 11. Thông qua dự thảo nghị quyết, chương trình, báo cáo tại kỳ họp

1. Hội đồng nhân dân phường quyết định các vấn đề tại kỳ họp bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu

quyết tán thành; riêng nghị quyết về bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân phường được thông qua khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành.

2. Trình tự thông qua dự thảo nghị quyết, chương trình, báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân phường được thực hiện như sau:

a) Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo thuyết trình trước Hội đồng nhân dân phường;

b) Đại diện các Ban của Hội đồng nhân dân phường được giao thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, chương trình, trình bày báo cáo thẩm tra;

c) Hội đồng nhân dân thảo luận, Chủ tọa nêu những vấn đề còn có ý kiến khác nhau để Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định; khi xét thấy cần thiết, Hội đồng nhân dân yêu cầu cơ quan hữu quan báo cáo giải trình về những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân quan tâm;

d) Thư ký kỳ họp trình bày dự thảo nghị quyết;

đ) Đại biểu Hội đồng nhân dân phường biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết, chương trình, báo cáo bằng cách biểu quyết từng vấn đề, sau đó biểu quyết toàn bộ hoặc biểu quyết toàn bộ một lần.

Điều 12. Những hoạt động trước và sau kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Hoạt động trước kỳ họp

a) Trong nhiệm kỳ, Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định triệu tập kỳ họp thường lệ chậm nhất là 20 ngày, kỳ họp chuyên đề để giải quyết công việc phát sinh đột xuất chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp. Dự kiến chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân được gửi đến đại biểu cùng với thông báo triệu tập kỳ họp;

Quyết định triệu tập kỳ họp và dự kiến chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân được thông báo đến các đại biểu chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ và chậm nhất là 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp bất thường;

b) Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tổ chức cho đại biểu tiếp xúc cử tri để thu thập ý kiến về những vấn đề thuộc chương trình, nội dung kỳ họp, ý kiến, kiến nghị của cử tri đối với Hội đồng nhân dân và các cơ quan nhà nước hữu quan ở địa phương; trả lời những yêu cầu kiến nghị của cử tri sau kỳ họp lần trước. Tại buổi tiếp xúc cử tri trước kỳ họp thường lệ cuối năm, các đại biểu Hội đồng nhân dân báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Hội đồng nhân dân;

c) Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp tiếp theo, Tổ trưởng tổ đại biểu có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri đến Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

2. Hoạt động sau kỳ họp

a) Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, nghị quyết, chương trình, báo cáo, biên bản của kỳ họp Hội đồng nhân dân được gửi lên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

b) Sau khi nghị quyết được Hội đồng nhân dân phường thông qua, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường chỉnh lý về thể thức, kỹ thuật văn bản trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường ký chứng thực và ban hành theo quy định pháp luật hiện hành;

c) Chậm nhất 15 ngày sau ngày bế mạc kỳ họp thường lệ, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Tổ đại biểu phường có trách nhiệm tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân phường tiếp xúc cử tri để báo cáo kết quả kỳ họp, kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri; phổ biến, giải thích và vận động thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường;

d) Thường trực Hội đồng nhân dân phường tổ chức họp đánh giá rút kinh nghiệm việc chuẩn bị, tổ chức và phục vụ sau kỳ họp (nếu có).

Điều 13. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân

1. Chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân phường được xem xét, quyết định tại kỳ họp giữa năm của năm trước trên cơ sở đề nghị của các Ban của Hội đồng nhân dân phường, đại biểu Hội đồng nhân dân phường, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và kiến nghị của cử tri ở địa phương.

2. Hội đồng nhân dân phường giám sát thông qua hoạt động:

a) Xem xét báo cáo công tác 06 tháng, hằng năm của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, báo cáo của Ủy ban nhân dân về kinh tế - xã hội, về thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước của địa phương, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri; báo cáo thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật và các báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân phường;

Tại kỳ họp cuối nhiệm kỳ, Hội đồng nhân dân phường xem xét, thảo luận các báo cáo nhiệm kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng

nhân dân, Ủy ban nhân dân và các báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân phường;

b) Xem xét các quyết định của Ủy ban nhân dân phường, nghị quyết của Hội đồng nhân dân có dấu hiệu trái với Hiến pháp, Luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

c) Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu theo quy định của pháp luật hiện hành;

d) Thực hiện chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân theo Điều 8 của Quy chế này. Hội đồng nhân dân phường Lâm Viên - Đà Lạt có thể ra nghị quyết về chất vấn nếu xét thấy cần thiết;

đ) Thực hiện giám sát chuyên đề.

3. Chương trình hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân phường được giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân phường xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện hoặc thành lập đoàn giám sát để giám sát theo chuyên đề.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân phường hoặc Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân phường báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hàng năm của Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp thường lệ giữa năm sau.

5. Phối hợp trong hoạt động giám sát

Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng nhân dân phường phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch giám sát, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả.

Chương III

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 14. Vị trí, vai trò và nguyên tắc làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân phường là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định khác của luật có liên quan, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân. Thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân không thể đồng thời là thành viên của Ủy ban Nhân dân phường.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân phường làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số, đồng thời phát huy trách nhiệm của người đứng đầu và cá

nhân các thành viên Thường trực đối với lĩnh vực công việc được phân công phụ trách.

Điều 15: Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân.

1. Thảo luận và quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ được Hội đồng nhân dân cùng cấp giao.

2. Triệu tập các kỳ họp của Hội đồng nhân dân phường; phối hợp với Ủy ban nhân dân phường trong việc chuẩn bị kỳ họp của Hội đồng nhân dân.

3. Đôn đốc, giám sát Ủy ban nhân dân phường và các cơ quan nhà nước khác ở địa phương thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

4. Giám sát việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương.

5. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban của Hội đồng nhân dân phường; xem xét kết quả giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân phường khi xét thấy cần thiết và báo cáo Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp gần nhất; giữ mối liên hệ với đại biểu Hội đồng nhân dân phường; tổng hợp chất vấn của đại biểu để báo cáo Hội đồng nhân dân phường; yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

6. Tổ chức đề đại biểu Hội đồng nhân dân phường tiếp công dân theo quy định của pháp luật; đôn đốc, giám sát và xem xét tình hình giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; tổng hợp ý kiến, đề xuất, kiến nghị của Nhân dân để báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân phường.

7. Quyết định số lượng thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân phường. Phê chuẩn danh sách và việc cho thôi làm Phó Trưởng ban, Ủy viên Ban của Hội đồng nhân dân phường trong số đại biểu Hội đồng nhân dân phường theo đề nghị của Trưởng Ban Hội đồng nhân dân.

8. Trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp, phê chuẩn việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức theo nguyện vọng đối với người được bầu nếu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác mà không thể tiếp tục thực hiện được nhiệm vụ, cho thôi giữ chức vụ Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân do chuyển công tác khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật tổ chức chính quyền địa phương 2025.

9. Thành lập Tổ đại biểu, xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân của Tổ đại biểu, phân công Tổ trưởng và Tổ phó của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; quyết định việc chuyển sinh hoạt tại Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân của đại biểu Hội đồng nhân dân phường.

10. Quyết định việc đưa ra Hội đồng nhân dân phường hoặc đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân phường.

11. Báo cáo về hoạt động của Hội đồng nhân dân phường đến Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

12. Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường; mỗi năm 02 lần thông báo đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường về hoạt động của Hội đồng nhân dân phường.

13. Ban hành nghị quyết và các văn bản hành chính khác về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do Hội đồng nhân dân ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật.

14. Trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp, Thường trực Hội đồng nhân dân được quyết định các nội dung sau đây và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất:

a) Biện pháp giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn;

b) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân được tổ chức định kỳ mỗi tháng một lần vào trước ngày 10 hàng tháng để thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân quyết định thời gian, chương trình, chỉ đạo việc chuẩn bị và chủ tọa phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân; nếu Chủ tịch Hội đồng nhân dân vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân được Chủ tịch Hội đồng nhân dân ủy quyền chủ tọa phiên họp;

b) Phiên họp phải có ít nhất ba phần tư tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân phường tham dự. Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân phường có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp, nếu vì lý do đặc biệt không thể tham gia thì phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định;

c) Đại diện Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân;

Đại diện các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội thuộc các cơ quan, tổ chức hữu quan có thể được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân khi bàn về vấn đề có liên quan;

d) Ủy ban nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân và các cơ quan, tổ chức có liên quan thuộc phường có trách nhiệm chuẩn bị các dự án, đề án, báo cáo thuộc nội dung chương trình phiên họp theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc theo nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phân công công chức tổng hợp nội dung và xây dựng chương trình phiên họp, thành phần mời tham dự phiên họp. Trước mỗi phiên họp, ngoài nội dung được chuẩn bị, Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân có thể gửi đề xuất nội dung cần thảo luận, chất vấn, giải trình tại phiên họp đến Thường trực Hội đồng nhân dân.

3. Trong phiên họp, Thường trực Hội đồng nhân dân thực hiện việc chất vấn và xem xét trả lời chất vấn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các ủy viên Ủy ban nhân dân trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân có thể yêu cầu ủy viên Ủy ban nhân dân, và cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân giải trình các vấn đề mà Thường trực Hội đồng nhân dân quan tâm theo quy định của pháp luật.

4. Giữa hai phiên họp thường kỳ, nếu phát sinh vấn đề cấp bách, quan trọng cần thiết phải có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân thì Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân được ủy quyền phụ trách hoạt động cơ quan Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân quyết định tổ chức phiên họp bất thường. Những vấn đề cấp bách nhưng không quan trọng thì Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân lấy ý kiến các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân phường bằng văn bản, xử lý giải quyết vụ việc và báo cáo cho Chủ tịch Hội đồng nhân dân trong phiên họp định kỳ tiếp theo.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân:

a) Chủ tọa các phiên họp của Hội đồng nhân dân, bảo đảm thi hành các quy định về hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân, các quy định về kỳ họp Hội đồng nhân dân;

b) Lãnh đạo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân; chỉ đạo việc chuẩn bị dự kiến chương trình, triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân;

c) Thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân giữ mối liên hệ với Ủy ban nhân dân, các cơ quan nhà nước, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp và Nhân dân;

d) Quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân phường trong các trường hợp theo quy định của cấp có thẩm quyền;

đ) Chỉ đạo xây dựng dự thảo các báo cáo, kế hoạch, đề án, tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân trình kỳ họp Hội đồng nhân dân;

e) Ký xác thực các nghị quyết kỳ họp của Hội đồng nhân dân; ký tất cả các văn bản do Thường trực Hội đồng nhân dân phường ban hành;

g) Trực tiếp tiếp công dân ít nhất mỗi tháng một lần theo lịch tiếp công dân; có thể ủy nhiệm cho Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân tiếp công dân.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân:

a) Giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân và chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch Hội đồng nhân dân; chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân;

b) Cùng với Chủ tịch Hội đồng nhân dân chủ tọa các kỳ họp Hội đồng nhân dân; giúp điều hành phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

c) Chỉ đạo tham mưu xây dựng chương trình, nội dung phiên họp định kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân; theo dõi, hướng dẫn, điều hòa, phối hợp chương trình hoạt động hai Ban của Hội đồng nhân dân; cùng hai Ban thẩm tra các dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án, tờ trình của các cơ quan liên quan trình kỳ họp Hội đồng nhân dân; phân công hai Ban giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân, chương trình hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, của Thường trực Hội đồng nhân dân; chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động của các Tổ đại biểu;

d) Phụ trách lĩnh vực công tác tiếp công dân của Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân phường; thực hiện tiếp công dân tại cơ quan Thường trực Hội đồng nhân dân phường;

đ) Chỉ đạo đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình giải quyết các đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân; tổng hợp báo cáo và giám sát việc trả

lời, giải quyết các ý kiến, kiến nghị cử tri của các cấp, các ngành; kiểm tra xử lý các văn bản đến và văn bản phát hành của Thường trực Hội đồng nhân dân;

e) Phối hợp với Ủy ban nhân dân, các cơ quan liên quan chuẩn bị nội dung, tài liệu phục vụ cho các kỳ họp Hội đồng nhân dân; chuẩn bị nội dung và các điều kiện tổ chức các hội nghị chuyên đề định kỳ hàng quý trao đổi kinh nghiệm hoạt động Hội đồng nhân dân với Thường trực Hội đồng nhân dân phường theo quy định;

g) Chỉ đạo xây dựng kế hoạch, nội dung tiếp xúc cử tri của các đại biểu Hội đồng nhân dân và theo dõi, phối hợp tổng hợp các ý kiến, kiến nghị của cử tri, của Nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân chuyển đến các cơ quan nhà nước, tổ chức có liên quan nghiên cứu giải quyết; đôn đốc việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri và đại biểu Hội đồng nhân dân, báo cáo kết quả cho Thường trực Hội đồng nhân dân và kỳ họp Hội đồng nhân dân phường;

h) Theo dõi việc lập dự toán, sử dụng, quyết toán kinh phí hoạt động của cơ quan Thường trực Hội đồng nhân dân phường; phụ trách công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật trong các lĩnh vực hoạt động của Hội đồng nhân dân phường theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường;

i) Ký các văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân phường theo lĩnh vực được phân công phụ trách; các loại giấy mời, chương trình làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân và các văn bản khác khi được Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường ủy quyền.

3) Các thành viên khác của Thường trực Hội đồng nhân dân:

a) Chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân phân công;

b) Tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân.

Chương IV **CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG**

Điều 18. Vị trí, chức năng các Ban của Hội đồng nhân dân

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân phường là cơ quan của Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình Hội đồng

nhân dân giám sát, kiến nghị về những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân phường; trong thời gian Hội đồng nhân dân phường không họp thì báo cáo công tác trước Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

2. Căn cứ vào chương trình hoạt động hàng năm của Hội đồng nhân dân phường và của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân xây dựng chương trình công tác cụ thể.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn các Ban của Hội đồng nhân dân

1. Ban Văn hóa - Xã hội tham mưu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân phân công theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 4, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.

2. Ban Kinh tế - Ngân sách tham mưu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân phân công theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 8, khoản 9 Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.

3. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp của Hội đồng nhân dân liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

4. Thẩm tra các dự thảo nghị quyết, báo cáo liên quan đến lĩnh vực phụ trách do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân phân công trước khi trình Hội đồng nhân dân phường.

5. Giúp Hội đồng nhân dân phường thực hiện hoạt động giám sát các quyết định của Ủy ban nhân dân, nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường; thực hiện giám sát chuyên đề; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân thuộc lĩnh vực phụ trách.

6. Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực phụ trách do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân phường phân công.

Điều 20. Nguyên tắc hoạt động và chế độ làm việc các Ban của Hội đồng nhân dân phường.

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân phường hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận tập thể và quyết định theo đa số.

2. Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các ủy viên chịu trách nhiệm tập thể về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban trước Hội đồng nhân dân phường; chịu trách nhiệm cá nhân về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trước Ban.

3. Các Ban của Hội đồng nhân dân họp ít nhất mỗi quý một lần để đánh giá việc thực hiện chương trình công tác, phân công nhiệm vụ cho ủy viên các Ban.

4. Trưởng ban thực hiện trách nhiệm theo thông báo phân công nhiệm vụ của Ban và các nhiệm vụ được phân công với tư cách là thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 16 quy chế này.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban của Hội đồng nhân dân

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân phường theo quy định của luật và các nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban được quy định của luật, hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và theo Quy chế hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

2. Phụ trách chung, điều hành công việc của Ban và chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân phường về hoạt động của Ban.

3. Chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ban, phân công nhiệm vụ cụ thể cho Phó Trưởng ban, ủy viên Ban, chuyên viên của Ban để đảm bảo hoạt động của Ban được thường xuyên, hiệu quả, đúng quy định của luật; trực tiếp chỉ đạo, phân công công việc cụ thể, theo dõi đánh giá chất lượng các chuyên viên của Ban được phân công giúp việc trực tiếp.

Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân

1. Là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân phường theo quy định của luật, hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản quy định liên quan.

2. Chỉ đạo giải quyết các công việc thường xuyên, hàng ngày của Ban; chịu trách nhiệm cá nhân trước tập thể Ban và Trưởng ban; đồng thời cùng các ủy viên khác của Ban chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ban trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân phường. Đồng thời:

a) Giúp Trưởng ban xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Ban theo lĩnh vực được phân công;

b) Chủ trì các cuộc họp, các cuộc làm việc của Ban với các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực được phân công khi Trưởng ban đi vắng hoặc được ủy quyền theo quy định;

c) Ký các văn bản phối hợp công tác với các cơ quan, đơn vị theo lĩnh vực được phân công và một số văn bản của Ban khi Trưởng ban ủy quyền;

d) Chuẩn bị các dự thảo văn bản, tài liệu phục vụ các cuộc họp, các hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra của Ban theo lĩnh vực được phân công;

đ) Báo cáo và đề xuất với Trưởng ban xem xét, quyết định xử lý kịp thời công việc liên quan đến lĩnh vực được phân công phụ trách đã phối hợp xử lý nhưng ý kiến chưa thống nhất.

3. Thay mặt Ban giữ mối liên hệ với các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân phường, các cơ quan, tổ chức đóng trên địa bàn.

4. Báo cáo kết quả hoạt động của Ban với Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

5. Tham dự các cuộc họp do Thường trực Hội đồng nhân dân triệu tập; thay mặt Ban tham dự các cuộc họp bàn về lĩnh vực Ban phụ trách do Ủy ban nhân dân phường, các cơ quan, tổ chức mời.

6. Tổ chức hoạt động thẩm tra, giám sát, khảo sát, học tập kinh nghiệm và các hoạt động khác của Ban.

7. Trình bày báo cáo thẩm tra, báo cáo kết quả giám sát tại kỳ họp Hội đồng nhân dân phường.

8. Chịu trách nhiệm trong việc theo dõi, đôn đốc thành viên Ban thực hiện nghiêm túc trách nhiệm, quyền hạn đại biểu theo quy định của pháp luật và nhiệm vụ thành viên Ban theo Quy chế này.

9. Tham mưu, đề xuất các công việc thuộc thẩm quyền của Thường trực Hội đồng nhân dân phường khi được phân công đối với các lĩnh vực Ban phụ trách; thực hiện một số nhiệm vụ khác do Thường trực Hội đồng nhân dân phường giao.

Chương V

TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 23. Nhiệm vụ của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường thực hiện giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân trên địa bàn hoặc giám sát chuyên đề về các vấn đề do Hội đồng nhân dân phường hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân phường phân công.

2. Tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân phường tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, kiến nghị của cử tri trước và sau kỳ họp Hội đồng nhân dân phường.

3. Tổ đại biểu tổ chức họp mỗi quý một lần để đánh giá tình hình hoạt động trong quý, bàn kế hoạch công tác thời gian đến, gửi báo cáo và biên bản cuộc họp đến Thường trực Hội đồng nhân dân trước ngày 25 của tháng cuối quý.

4. Trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu sinh hoạt nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến cho kỳ họp, đồng thời tổ chức kiểm điểm, đánh giá tình hình hoạt động và bàn kế hoạch công tác của Tổ trong thời gian tới.

Điều 24. Quyền và trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó và các thành viên đại biểu Hội đồng nhân dân phường

1. Tổ trưởng điều hành công việc của Tổ đại biểu. Chủ trì các cuộc họp tổ, tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu và các thành viên dự họp để phản ánh với Thường trực Hội đồng nhân dân; phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường tổ chức các cuộc tiếp xúc cử tri dưới sự chủ trì của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường; phân công thành viên trong tổ thực hiện các nội dung giám sát, khảo sát về tình hình thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân trên địa bàn ứng cử. Báo cáo kết quả giám sát, khảo sát về Thường trực Hội đồng nhân dân, đồng thời có văn bản kiến nghị, đề xuất đối với các cơ quan, đơn vị liên quan.

2. Tổ phó giúp Tổ trưởng điều hành các hoạt động của Tổ đại biểu theo sự phân công của Tổ trưởng.

3. Các thành viên của Tổ đại biểu có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp do Tổ trưởng tổ đại biểu triệu tập, chấp hành sự phân công của tổ trong tiếp xúc cử tri, báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri; tham gia đầy đủ các hoạt động giám sát, khảo sát của Tổ đại biểu, các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân khi được phân công hoặc mời tham gia.

Chương VI

ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 25. Vị trí, vai trò của đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân phường là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân địa phương, chịu trách nhiệm trước cử tri địa phương và trước Hội đồng nhân dân phường về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân phường bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân phường.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân phải dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng

nhân dân phường và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 26. Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân; trường hợp không tham dự kỳ họp, phiên họp thì phải có lý do và phải báo cáo trước với Chủ tọa kỳ họp, phiên họp. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do chính đáng thì Thường trực Hội đồng nhân dân phải báo cáo Hội đồng nhân dân để bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân đó.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân phải liên hệ chặt chẽ với cử tri nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu, chịu sự giám sát của cử tri, thường xuyên tiếp xúc với cử tri, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri với Hội đồng nhân dân, các cơ quan, tổ chức hữu quan; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri; phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm tiếp công dân theo quy định của pháp luật và phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân phường, Tổ trưởng tổ đại biểu nhằm thu thập ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri. Khi nhận được khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, đại biểu có trách nhiệm nghiên cứu, hướng dẫn hoặc chuyển đơn đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị biết.

4. Tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu; sau mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân, đại biểu có trách nhiệm báo cáo với cử tri về kết quả của kỳ họp, phổ biến và giải thích các nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường, vận động và cùng với Nhân dân thực hiện các nghị quyết.

5. Cập nhật, nghiên cứu chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các tài liệu kỳ họp Hội đồng nhân dân phường và thực tiễn cuộc sống. Tích cực tham gia phát biểu ý kiến tại các phiên họp tổ, thảo luận tổ và thảo luận tại phiên toàn thể về những vấn đề mà cử tri quan tâm tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân phường theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này; chủ động đề xuất các giải pháp, biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh của địa phương.

Việc đóng góp ý kiến đối với các nội dung của kỳ họp có thể thông qua hình thức phát biểu trực tiếp hoặc bằng văn bản đến Chủ tọa kỳ họp; thể hiện rõ chính kiến của mình đối với những dự thảo nghị quyết còn có nhiều ý kiến khác nhau.

6. Thực hiện tranh luận, chất vấn, truy vấn đối với các vấn đề bức xúc của cử tri. Việc chất vấn, truy vấn thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

7. Tham gia các hoạt động giám sát, khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân phường khi được mời.

Điều 27. Quyền của đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử vào các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 36 của Luật tổ chức chính quyền địa phương 2025. Người được giới thiệu ứng cử có quyền rút khỏi danh sách những người ứng cử.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền đề xuất sáng kiến xây dựng chính sách ở địa phương. Kiến nghị bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu, tổ chức phiên họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất, phiên họp kín của Hội đồng nhân dân phường và kiến nghị những vấn đề khác mà đại biểu thấy cần thiết. Kiến nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng biện pháp cần thiết để thực hiện Hiến pháp, pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

4. Thực hiện quyền chất vấn theo Điều 8 của Quy chế này.

5. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của đại biểu Hội đồng nhân dân phường, cơ quan, tổ chức phải giải quyết và thông báo bằng văn bản cho đại biểu Hội đồng nhân dân phường biết. Quá thời hạn này mà cơ quan, tổ chức không trả lời thì đại biểu Hội đồng nhân dân phường có quyền yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên xem xét, giải quyết.

6. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có trách nhiệm trả lời những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân phường yêu cầu theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VII

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Mục 1

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 28. Đối với Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan của tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân định kỳ 6 tháng, năm báo cáo hoạt động của Hội đồng nhân dân phường và gửi các tài liệu kỳ họp Hội đồng nhân dân phường lên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân phường tham dự các hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan của tỉnh khi được mời hoặc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường.

3. Phối hợp chặt chẽ với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi thực hiện giám sát trên địa bàn phường và khi có yêu cầu góp ý dự thảo luật, nghị quyết, trao đổi kinh nghiệm hoạt động, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng hoạt động cho đại biểu Hội đồng nhân dân tại phường.

Điều 29. Đối với Đảng ủy, Ban Thường vụ và Thường trực Đảng ủy

1. Thường trực Hội đồng nhân dân phường chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo và chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng nhân dân phường, Thường trực Hội đồng nhân dân phường theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ phường và khi có yêu cầu.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân phường có trách nhiệm tham mưu đề báo cáo và đề xuất Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy các chủ trương, chỉ đạo nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân phường; những vấn đề liên quan đến chương trình hoạt động, nhất là nội dung quan trọng tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ phường.

Điều 30. Đối với Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường

1. Giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân phường phối hợp với Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo triển khai, thực hiện các

ng nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường đã ban hành; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn chuẩn bị tờ trình, đề án, dự thảo nghị quyết và các hồ sơ, tài liệu đề trình Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân phường đôn đốc, kiểm tra, giám sát chương trình hoạt động Ủy ban nhân dân phường trong tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân phường phân công các Ban của Hội đồng nhân dân tham gia phối hợp Ủy ban nhân dân cùng cấp và các cơ quan chuyên môn trong việc chuẩn bị đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết phục vụ cho kỳ họp Hội đồng nhân dân phường.

4. Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp có trách nhiệm chỉ đạo giải quyết các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp; thống nhất chỉ đạo Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân phường và Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn của phường, đơn vị có liên quan thực hiện theo thẩm quyền. Trường hợp cần thiết, báo cáo hoặc trình Hội đồng nhân dân phường xem xét quyết định.

Điều 31. Đối với Ban xây dựng Đảng, Ủy ban kiểm tra, Văn phòng của Đảng ủy phường

Căn cứ vào yêu cầu công tác, chỉ đạo của Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân phường phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với Ban xây dựng Đảng, Ủy ban kiểm tra, Văn phòng Đảng ủy đảm bảo các hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân phường theo đúng chủ trương, chỉ đạo của Đảng.

Điều 32. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường

1. Hội đồng nhân dân phường mời Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham dự các kỳ họp của Hội đồng nhân dân, tham gia một số hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận mời Thường trực Hội đồng nhân dân tham dự một số hoạt động để trao đổi thông tin và tăng cường mối quan hệ phối hợp và hiệu quả công tác.

2. Hội đồng nhân dân thực hiện chế độ gửi thông báo, nghị quyết của Hội đồng nhân dân đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của phường.

3. Hội đồng nhân dân phường tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức thành viên vận động Nhân dân tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng và củng cố chính quyền địa phương.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các cơ quan liên quan tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri, tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của cử tri và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

5. Hội đồng nhân dân có trách nhiệm lắng nghe, giải quyết theo thẩm quyền các kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức thành viên về xây dựng chính quyền và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Điều 33. Đối với các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường

1. Thường trực Hội đồng nhân dân chỉ đạo, phối hợp hoạt động giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân; xem xét cho ý kiến về chương trình, nội dung và kết quả giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân, khi thấy cần thiết và báo cáo Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp gần nhất. Phân công các Ban của Hội đồng nhân dân thực hiện một số nội dung thuộc chương trình hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân và của Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân phường chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động của các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; phân công nội dung giám sát, chuẩn bị kỳ họp, tiếp xúc cử tri cho các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân trong chương trình hoạt động giám sát 6 tháng và hàng năm của Hội đồng nhân dân phường. Tổ chức họp giao ban định kỳ hàng quý với các Tổ trưởng tổ đại biểu.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tổ chức phiên họp giao ban với lãnh đạo các Ban của Hội đồng nhân dân, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân mỗi quý một lần. Chủ tịch Hội đồng nhân dân chủ trì hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân chủ trì;

Thành phần dự họp giao ban gồm các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân, Trưởng ban và Phó Trưởng ban các Ban của Hội đồng nhân dân, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

4. Tại cuộc họp giao ban, lãnh đạo các Ban của Hội đồng nhân dân và bộ phận tham mưu, giúp việc cho Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo kết quả công tác trong tháng, các vướng mắc, tồn tại, hạn chế và kiến nghị. Các thành viên dự họp thảo luận, chủ trì cuộc họp kết luận. Ý kiến kết luận của chủ trì cuộc họp được lập thành văn bản gửi đến các cơ quan liên quan để biết, triển khai thực hiện.

Mục 2

**MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC
CỦA CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG**

Điều 34. Đối với Ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân phường trong phạm vi lĩnh vực chuyên môn phụ trách hoặc được Thường trực Hội đồng nhân dân phường phân công có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với cơ quan chủ trì soạn thảo dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án do Ủy ban nhân dân phường trình kỳ họp Hội đồng nhân dân phường để tổ chức thẩm tra theo quy định của pháp luật.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân phường tổ chức giám sát hoạt động đối với Ủy ban nhân dân phường, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường và cơ quan đơn vị thuộc phường; giám sát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

3. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực được phụ trách và trên cơ sở tình hình hoạt động thực tiễn, các Ban của Hội đồng nhân dân phường có thể ký kết quy chế phối hợp hoạt động với các cơ quan khác của phường.

Điều 35. Đối với Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân phường

1. Thực hiện các công việc của Ban theo sự điều hòa, phối hợp hoạt động chung của Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

2. Báo cáo kịp thời và thường xuyên kết quả công tác của Ban với Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

3. Lãnh đạo ủy viên Ban tham gia các chương trình, hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

4. Đối với các công việc phát sinh giữa hai kỳ họp thuộc lĩnh vực phụ trách, lãnh đạo chuyên trách của Ban có trách nhiệm triển khai theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân phường, tham mưu giúp Thường trực Hội đồng nhân dân phường giải quyết đảm bảo yêu cầu.

5. Trong hoạt động giám sát, khảo sát, Ban báo cáo với Thường trực Hội đồng nhân dân phường kết quả thực hiện, các kiến nghị, đề xuất sau giám sát, khảo sát.

6. Trước mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân phường, các Ban báo cáo với Thường trực Hội đồng nhân dân phường nội dung, vấn đề lớn cần xin ý kiến thuộc lĩnh vực Ban phụ trách.

7. Thực hiện các công việc khác theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

Điều 36. Đối với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

phường

1. Trong quá trình giải quyết các công việc theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân phường, Ban của Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm chủ trì tham mưu các nội dung lĩnh vực chuyên môn cụ thể và trực tiếp báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân để quyết định và ký ban hành; đối với các nội dung, nhiệm vụ tổng hợp chung hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân thì Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm chủ trì tổng hợp chung và tham mưu, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường phối hợp với các Trưởng ban của Hội đồng nhân dân phường tham mưu Thường trực Hội đồng nhân dân phường chỉ đạo hoạt động của các Ban Hội đồng nhân dân phường.

3. Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá đối với công chức Văn phòng được phân công giúp việc cho Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và gửi đến Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường để có cơ sở đánh giá xếp loại công chức.

4. Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân và Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm phối hợp hoàn thiện và trình ký Nghị quyết, các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường và các văn bản, nghị quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

5. Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân phường phối hợp với Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường tổng hợp thông tin về lĩnh vực và tình hình hoạt động của các Ban của Hội đồng nhân dân phường báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân phường. Văn phòng có trách nhiệm tổng hợp hoạt động của Hội đồng nhân dân phường, Thường trực Hội đồng nhân dân phường và các Ban của Hội đồng nhân dân phường để kịp thời đưa lên trang thông tin điện tử phường.

Mục 3

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 37. Quan hệ công tác giữa Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường với Thường trực Hội đồng nhân dân phường

Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường tổng hợp báo cáo kết quả công tác, kết quả tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân phường; tổng hợp kiến nghị

của cử tri gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân phường để báo cáo kỳ họp và chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định.

Chương VIII

CÔNG TÁC ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG

Điều 38. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân là cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân; có trách nhiệm bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân; thực hiện chế độ, chính sách đối với đại biểu Hội đồng nhân dân phường.

Điều 39. Điều kiện đảm bảo hoạt động cho Hội đồng nhân dân

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân phường do Hội đồng nhân dân quyết định trong kế hoạch ngân sách hàng năm của địa phương.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân quản lý và sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật.

3. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân có trách nhiệm bảo đảm điều kiện vật chất phục vụ cho hoạt động giám sát chuyên đề của các Ban của Hội đồng nhân dân, giám sát của Tổ đại biểu theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân.

4. Ủy ban nhân dân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

Điều 40. Đảm bảo hoạt động cho đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện theo các quy định của Nhà nước.

2. Ủy ban nhân dân phường trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tạo điều kiện cho đại biểu Hội đồng nhân dân phường tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân với Hội đồng nhân dân phường.

CHƯƠNG IX

HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 41. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phường; Ủy ban nhân dân, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có nội dung chưa phù hợp sẽ được sửa đổi, bổ sung. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế do Hội đồng nhân dân phường xem xét, quyết định.

Điều 42. Hiệu lực thi hành

Quy chế này của Hội đồng nhân dân phường Lâm Viên - Đà Lạt khóa I có hiệu lực thi hành trong nhiệm kỳ 2021 - 2026. 12